

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới,
xã Phước Thành, huyện Tuy Phước đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNN Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Phước Thành, huyện Tuy Phước đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND xã Phước Thành tại Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 05/6/2015 và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo số 62/BC-PKT&HT ngày 11/6/2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phước Thành, huyện Tuy Phước đến năm 2020.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND và HĐND huyện, Trưởng phòng các Phòng: Kinh tế & Hạ tầng, Nông nghiệp & PTNT, Tài nguyên & Môi trường, Chủ tịch UBND xã Phước Thành và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban chỉ đạo XD NTM huyện;
- Lưu: VT, K3.

KT



Trần Hữu Lộc

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
XÃ PHƯỚC THÀNH, HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 24/1/2015
của UBND huyện Tuy Phước)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1. Quy định quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Thành, huyện Tuy Phước quy định việc quản lý, sử dụng đất và quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn xã được lập trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định hướng phát triển chung của khu vực toàn xã, phù hợp với các quy định khác.

2. Hồ sơ đề án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Phước Thành, huyện Tuy Phước và các quy định tại Quy định này làm cơ sở UBND xã và các phòng ban chuyên môn cấp huyện xem xét cấp phép xây dựng mới, hoặc cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan; là một căn cứ để xác định việc lập dự án đầu tư xây dựng vào khu vực xã theo đúng quy hoạch và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch:

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp xã Phước An huyện Tuy Phước.

+ Phía Đông giáp Phường Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu TP Quy Nhơn.

+ Phía Tây giáp: Xã Canh Vinh huyện Vân Canh và xã Nhơn Thọ thị xã An Nhơn.

+ Phía Nam giáp: Xã Canh Vinh huyện Vân Canh .

Quy mô khu vực quy hoạch: 3.516,51ha, gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Dân số 11.790 người, 3.151 hộ dân.

2. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

a) Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch:

Đơn vị tính: ha

S TT (1)	Chi tiêu (2)	Mã (3)	Cấp trên phân bổ (4)	Cấp xã xác định (5)	Tổng số (6)=(4)+(5)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN				3.516,51	3.516,51
1	Đất nông nghiệp	NNP		2.219,66	2.219,66
1.1	Đất lúa nước	DLN		391,52	391,52
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN			
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK		305,07	305,07
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN		42,68	42,68
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH		389,10	389,10
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX		1.048,78	1.048,78
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		5,29	5,29
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH		37,22	37,22
2	Đất phi nông nghiệp	PNN		1.188,64	1.188,65
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, CTSN	CTS		0,55	0,55
2.2	Đất quốc phòng	CQP		780,20	780,20
2.3	Đất an ninh	CAN			
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC		62,75	62,75
2.6	Đất sản xuất vật liệu XD gốm sứ	SKX			
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất di tích danh thắng	DDT			
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA		1,24	1,24
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN		3,54	3,54
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD		44,38	44,39
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		99,77	99,77
2.13	Đất sông suối	SON		19,20	19,20
2.14	Đất phát triển hạ tầng	DHT		91,57	91,57
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	DCS		108,21	108,21
4	Đất khu du lịch	DDL			

S TT (1)	Chỉ tiêu (2)	Mã (3)	Cấp trên phân bổ (4)	Cấp xã xác định (5)	Tổng số (6)=(4)+(5)
5	Đất khu dân cư nông thôn	DNT		281,97	281,97
	<i>Trong đó: Đất ở nông thôn</i>	<i>ONT</i>		85,45	85,45

b. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng:

Đơn vị tính: ha

S TT (1)	Chỉ tiêu (2)	Mã (3)	Diện tích (ha) (4)	Phân theo các kỳ	
				2011- 2015 (5)	2016- 2020 (6)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp.	NNP/PNN	48,30	33,75	14,55
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	5,57	3,53	2,03
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN/PNN			
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK/PNN	28,40	15,89	12,51
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,01	0,01	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN			
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN			
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	14,32	14,32	
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN			
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN			
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp.				
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN			
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất lâm nghiệp	LUC/LNP			
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUC/NTS			
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR ^(a)			
2.5	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR ^(a)			
2.6	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR ^(a)			

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp:

1. Phát triển sản xuất: Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi đạt hiệu quả cao. Đưa nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá bền vững, ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi; xây dựng các mô hình sản xuất theo hình thức trang trại, gia trại, đồng thời nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả kinh tế cao; đưa nhanh các giống cây có năng suất cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai ở địa phương vào sản xuất.

*** Trồng trọt:**

Hình thành vùng sản xuất tập trung, bố trí lại cơ cấu giống cây trồng và mùa vụ để giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu thời tiết; đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu. Ngoài cây lúa để đảm bảo nhu cầu lương thực tại chỗ cho nhân dân, cần tập trung phát triển một số cây trồng hàng hóa khác có giá trị kinh tế cao như: Ngô, lạc, vừng, rau các loại.

*** Chăn nuôi:**

- Khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại tập trung, trang trại tổng hợp. Nhằm tăng quy mô và chất lượng đàn vật nuôi, nâng cao chất lượng con giống được lai tạo, đa dạng hóa các sản phẩm trên cơ sở tổ chức mạng lưới thú y hoạt động có hiệu quả, đồng thời gắn chăn nuôi với chế biến, tiêu thụ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm soát dịch bệnh.

*** Lâm nghiệp:**

Phát huy thế mạnh của rừng và đất rừng hiện có, ưu tiên bảo vệ và phát triển diện tích đất có rừng gắn khai thác với công tác trồng mới một cách hợp lý, đảm bảo cho nhu cầu tiêu dùng và phục vụ chế biến xuất khẩu. Phát triển các loại cây lấy gỗ, cây nguyên liệu giấy trên đất sản xuất lâm nghiệp chưa có rừng.

Tập trung đầu tư thâm canh đối với rừng sản xuất phục vụ công nghiệp chế biến. Bên cạnh đó phát triển mô hình nông lâm kết hợp nhằm tăng thêm thu nhập cho nông hộ. Thực hiện trồng mới rừng theo các chương trình dự án, trồng cây nhân dân nhằm cải thiện môi trường sinh thái.

*** Thủy sản:**

Diện tích nuôi hiện có 5,29ha, khuyến khích mở rộng diện tích nuôi, nhất là ở các hồ tự nhiên và những vùng thuận lợi về nguồn nước để nuôi những giống cá

nước ngọt có giá trị, vừa đảm bảo nguồn thực phẩm tại chỗ vừa tăng thêm thu nhập cho bà con nhân dân.

*** Phát triển kinh tế trang trại:**

Quy hoạch phát triển khu trang trại, gia trại chăn nuôi tập trung tại các điểm quy hoạch với tổng diện tích 29,8ha trong đó: thôn Bình An 1: 19,8ha tại Vườn Hồ; Cảnh An 1: 4ha tại Gò Cây Me; Cảnh An 2: 6ha tại Gò Ông Tề; Quy hoạch 2 khu trang trại tổng hợp trên đất nông nghiệp có diện tích trồng rừng kết hợp với chăn nuôi: Khu Gò Dinh 20ha (thôn Bình An 2), Hóc Công 30ha (thôn Cảnh An 1).

*** Tiểu thủ công nghiệp - ngành nghề nông thôn:**

Xây dựng điểm TTCN phía tây núi Hòn Chà 14,3ha. Tận dụng diện tích rừng trồng sản xuất hiện có ưu tiên phát triển ngành nghề sơ chế gỗ rừng trồng và mộc dân dụng theo hướng tinh xảo. Nâng cấp chợ trung tâm xã (chợ Quán Rạp) với quy mô diện tích 0,22ha. Phát triển thương mại, dịch vụ dọc theo Quốc lộ 19c và trung tâm xã, trên các tuyến đường chính và các điểm dân cư tập trung. Phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa, xe cơ giới. Phát triển nghề nuôi ong lấy mật ở xóm 4 thôn Cảnh An 1; phát triển 2 khu gia trại ở Gò Dinh, Hóc Công.

2. Quy hoạch xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất:

- **Giao thông nội đồng:** Các công trình giao thông nội đồng cần nâng cấp, cứng hóa, cần mở rộng, nâng cấp cứng hóa (cấp phối sỏi dôi) 09 tuyến và bê tông 01 tuyến, tổng chiều dài 5,1km; trong đó nâng cấp và mở rộng 07 tuyến với chiều dài 3,6km, mở mới 03 tuyến với chiều dài 1,5km.

- Thôn Bình An 1: Làm 02 tuyến, trong đó mở mới 01 tuyến và nâng cấp một tuyến với tổng chiều dài 1,1km.

- Thôn Bình An 2: Làm 02 tuyến, nâng cấp với chiều dài 1,2km.

- Thôn Cảnh An 1: Làm 4 tuyến trong đó mở mới 2 tuyến, nâng cấp 2 tuyến với tổng chiều dài 1,8km.

- Thôn Cảnh An 2: Làm 02 tuyến, nâng cấp với chiều dài 1,0km

Thiết kế đường giao thông nội đồng tương đương cấp B.

- **Hệ thống thủy lợi:** Kênh chính nội đồng đã bê tông hóa 14,3km/ 17,7km đạt 80,7%, dự kiến trong thời gian tới sẽ bê tông hóa 5 tuyến với tổng chiều dài 3,4km đưa tổng số km kênh mương chính được cứng hóa 17,7km.

+ Thôn Bình An 1: Bê tông 2 tuyến với chiều dài 1,9km.

+ Thôn Bình An 2: Bê tông 1 tuyến với chiều dài 0,5km.

+ Thôn Cảnh An 1: Bê tông 1 tuyến với chiều dài 0,5km.

+ Thôn Cảnh An 2: Bê tông 1 tuyến với chiều dài 0,5km.

+ Cải tạo nâng cấp 9 trạm bơm hiện có.

+ Đê kè: Đã bê tông 2km; quy hoạch bê tông 5,4km dọc ven sông Hà Thanh

- Hệ thống điện phục vụ sản xuất: Phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt 98% và đáp ứng nhu cầu sản xuất. Thời gian đến cần đầu tư xây dựng mới 1 trạm biến áp Công suất 280KVA.

3. Quy định về xây dựng và môi trường:

Đảm bảo môi trường khu dân cư xanh, sạch, đẹp; cân bằng lợi ích giữa việc phát triển kinh tế của các tổ chức kinh tế và cá nhân với lợi ích chung của cộng đồng dân cư nhằm đảm bảo phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

Tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 100%.

Các cơ sở kinh doanh có cam kết về môi trường đạt tiêu chuẩn.

Quản lý sử dụng và khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững, đảm bảo cân bằng sinh thái không gây tác động xấu đến môi trường.

Nghĩa trang, nghĩa địa được xây dựng theo đúng quy hoạch.

Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Thoát nước mưa:

Đối với khu Trung tâm xã: Trong thời gian đến cần quy hoạch chi tiết hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh.

Đối với các điểm dân cư tại các thôn, gắn với việc xây dựng đường giao thông thôn, xóm, xây dựng các tuyến mương rãnh thoát nước dọc hai bên đường. Các điểm xã được đầu nối vào các mương thủy lợi, sông, suối (nếu có) để thoát.

Điều 4. Quy hoạch xây dựng:

a) Các điểm dân cư:

- Khu trung tâm xã: là khu trung tâm hành chính - chính trị - văn hóa - kinh tế của xã, nằm ở thôn Cảnh An 1, với diện tích 44,3ha. Để đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, Khu trung tâm xã cần triển khai thực hiện các hạng mục sau:

+ Khu thể thao xã: diện tích 1,62ha.

+ Nhà văn hóa xã: diện tích 1,2ha.

+ Bố trí đất ở mới: diện tích 8,84ha.

+ Chỉ tiêu đất ở khu trung tâm xã 120-150m²/hộ.

- Các điểm dân cư ở các thôn: Chủ yếu là chỉnh trang và quy hoạch mở rộng đất ở theo nhu cầu từng thôn với diện tích tăng thêm trong kỳ quy hoạch là 19,41ha trong đó; Thôn Bình An 1 là 2,81ha; thôn Bình An 2 là 7,77ha, Cảnh An 1 là 5,93ha, Cảnh An 2 là 3,44ha.

Chỉ tiêu đất ở các thôn 250-300m²/hộ.

b) Quy hoạch các công trình công cộng:

*** Trụ sở cơ quan (UBND xã):**

- Trụ sở HDND - UBND xã tại 611 trung tâm ở thôn Cảnh An 1, diện tích khuôn viên 2.142m² với diện tích xây dựng 912m² được xây dựng 2 tầng gồm 19 phòng, chất lượng các phòng đáp ứng đủ nhu cầu làm việc, công tác của các ban ngành trong xã, ổn định trong kỳ quy hoạch.

*** Công trình y tế:**

- Để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân địa phương, đáp ứng chuẩn mới về y tế xã giai đoạn 2011-2020, ban hành kèm theo Quyết định số 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế và đảm bảo theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Định hướng trong thời gian tới ổn định diện tích khuôn viên 2.483m², tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 1 phòng; đồng thời đầu tư nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất khám chữa bệnh.

*** Công trình giáo dục:**

- Căn cứ vào hiện trạng cơ sở vật chất hệ thống trường học ở Phước Thành, căn cứ nhu cầu trường lớp đối với từng cấp. Trong thời gian tới sẽ đầu tư xây dựng, nâng cấp các cấp trường trên địa bàn xã đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới. Các công việc cần thực hiện trong kỳ QH như sau:

Bảng bố trí quy hoạch hệ thống trường học xã Phước Thành

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Diện tích (m ²)		Quy hoạch xây dựng
			Hiện trạng	Quy hoạch	
1	Trường mẫu giáo				
-	Lớp mẫu giáo Bình An 1	Thôn Bình An 1	195	1.900	Xây dựng vị trí mới
-	Lớp mẫu giáo Bình An 2	Thôn Bình An 2	1.032	1.032	Ổn định
-	Trường mẫu giáo Cảnh An 1 (Cơ sở chính)	Thôn Cảnh An 1	1.000	3.000	Xây dựng thêm 02 phòng
-	Lớp mẫu giáo Cảnh An 2	Thôn Cảnh An 2	1.147	1.147	Ổn định
2	Trường tiểu học				

-	Trường tiểu học số 1	Thôn Cảnh An 1	11.872	11.872	Nâng cấp 06 phòng học, xây dựng mới 02 phòng chức năng, nhà đa năng; tường rào cổng ngõ, cải tạo sân chơi bãi tập
-	Trường tiểu học số 2	Thôn Bình An 1	6.985	8.985	Mở rộng khuôn viên; nâng cấp 06 phòng học, xây dựng mới 06 phòng học, 02 phòng chức năng, nhà đa năng; tường rào cổng ngõ, cải tạo sân chơi bãi tập
3	Trung học cơ sở	Thôn Cảnh An 2	9.101	9.101	Nâng cấp 03 phòng học, xây dựng mới 02 phòng chức năng, nhà đa năng; tường rào cổng ngõ, cải tạo sân chơi bãi tập

*** Công trình văn hóa – thể dục thể thao, công viên cây xanh:**

- **Nhà văn hóa xã:** Hiện chưa có, trong kỳ quy hoạch dự kiến cải tạo và xây dựng trạm y tế cũ diện tích 1.264m² thành nhà văn hóa xã, để đạt chuẩn quốc gia theo bộ VH-TT-DL.

- **Khu thể thao xã:** Hiện tại xã có khu thể thao ở thôn Cảnh An 1 với diện tích 8.681 m², trong thời gian đến cần mở rộng thêm 7.542m², đầu tư cơ sở vật chất để đạt khu thể thao của xã.

- **Nhà văn hóa thôn:** Định hướng quy hoạch mỗi thôn có 01 nhà văn hoá, diện tích đất tối thiểu 500m²/01 nhà văn hoá. Đầu tư nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa thôn 04 thôn (Bình An 1, Bình An 2, Cảnh An1 và Cảnh An 2) hiện có để đạt chuẩn theo Bộ VH-TT-DL.

- **Khu thể thao thôn:** Thôn Cảnh An 1 và Cảnh An 2 sử dụng chung với khu thể thao của xã. Xây dựng mới khu thể thao thôn Bình An 1 với diện tích 2.000m² ở phía Đông Bắc trường tiểu học số 2 và khu thể thao thôn Bình An 2 với diện tích 2.000m² ở phía Tây nhà văn hóa thôn Bình An 2.

- **Bưu điện văn hoá xã:** Hiện có 01 bưu điện văn hoá ở trung tâm xã, với diện tích 200m², có cơ sở vật chất đã đạt chuẩn, trong thời gian đến chỉ cần chỉnh trang bảo dưỡng.

- **Công viên - cây xanh:** Xây dựng mới khu hoa viên cây xanh khu trung tâm xã ở phía Tây trạm y tế với diện tích 3.529m².

*** Công trình chợ:**

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của khu trung tâm, trong thời gian đến đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ trung tâm Quán Rạp diện tích 2.187m² ở thôn Cảnh An 1, theo quy định để đạt chuẩn.

c) Khu vực công trình tôn giáo, tín ngưỡng:

- Đối với công trình tôn giáo, tín ngưỡng: việc bảo tồn xây mới công trình tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định hiện hành.

- Đối với công trình di sản: Thực hiện xin ý kiến và báo cáo cơ quan quản lý về văn hóa và thực hiện theo các quy định của Luật di sản văn hóa và pháp luật liên quan;

- Đối với công trình tượng đài: Việc quản lý theo quy định Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

d) Đối với khu vực dữ trữ phát triển:

- Tuân thủ quy hoạch được duyệt (không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất trong khu dữ trữ phát triển);

- Có kế hoạch và phương án sử dụng đất hiệu quả trong thời gian chưa triển khai xây dựng (kế hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn phát triển ngắn hạn, trung hạn và du hạn).

e) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông:

+ Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài 5,8km, đã bê tông hóa được 5,8 km đạt 100%, đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

+ Đường trục thôn, xóm: Quy hoạch mặt đường rộng 3,5m, nền rộng 5m, lề xuất lộ giới 7m. Tổng chiều dài đường trục thôn, xóm là 18,8km, đã bê tông hóa 12,6km đạt 67%. Để đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và đảm bảo theo tiêu chí định hướng đến năm 2015 sẽ bê tông hóa 0,55km đạt 70% cụ thể:

Thôn Bình An 2: Bê tông 1 tuyến 0,45km.

thôn Cảnh An 1: Bê tông 01 tuyến 0,1km.

+ Đường ngõ, xóm: Định hướng đến năm 2015 sẽ nâng cấp mở rộng cứng hóa 18,7km (đạt 70%) trong đó bảo trì 9,8km đã cứng hóa và cứng hóa mới 8,9km đạt tiêu chuẩn (cấp C) với mặt đường rộng 2m; nền đường rộng 3m, lề xuất lộ giới 5m.

- Đường trục chính nội đồng: Các công trình giao thông nội đồng từ nay đến năm 2015 cần nâng cấp, cứng hóa như sau: Trục chính nội đồng đã cứng hóa (cấp phối sỏi đồi) 2,3/10,5km (đạt 21,9%); cần mở mới, nâng cấp cứng hóa (cấp phối sỏi đồi) 09 tuyến và bê tông hóa 01 tuyến, tổng chiều dài 5,1km (đạt 70,5%); trong đó nâng cấp và mở rộng 07 tuyến với chiều dài 3,6km, mở mới 03 tuyến với chiều dài 1,5km.

- **Hệ thống cấp điện:** Hiện tại hệ thống điện xã đảm bảo phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Dự kiến trong thời gian tới đầu tư xây dựng mới 1 trạm biến áp công suất 280KVA.

- **Hệ thống cấp nước:**

Nguồn nước: Nguồn nước sinh hoạt cung cấp cho các hộ dân trên địa bàn xã chủ yếu từ các giếng đào và giếng khoan. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của nhân dân cần tiến hành quy hoạch hệ thống cung cấp nước trên địa bàn toàn xã. Với tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt 80lít/người/ngày đêm và quy mô dân số toàn xã đến năm 2015 khoảng 11.790 người lượng nước cần cung cấp là 943m³/ ngày đêm.

- **Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

* Chất thải rắn: (CTR): Chỉ tiêu thải CTR sinh hoạt 0,8kg/người/ngày. Với quy mô dân số đến năm 2015 là 11.790 người, vậy dự kiến khối lượng CTR là 11.790 người x 0,8kg/người/ngày = 9.432 kg/ ngày.

Quản lý chất thải rắn: Hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải sinh hoạt ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ.

Đối với chất thải rắn hữu cơ, tiến hành ủ, tạo thành phân vi sinh sau đó đem bón cho cây.

Đối với chất thải rắn vô cơ: Đối với khu trung tâm xã và khu dân cư tập trung trước mắt xử lý bằng cách đốt hoặc chôn lấp, về sau tổ chức thu gom về bãi xử lý rác thải không để gây ô nhiễm môi trường.

Thoát nước thải:

Thời gian đầu hệ thống thoát nước thải đi chung với hệ thống thoát nước mưa và về lâu dài cần phải đi riêng. Tối thiểu phải thu gom 80% lượng nước cấp để xử lý.

Thiết kế hệ thống thoát nước thải đi riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt: Phải xây dựng 3 công trình hợp vệ sinh, có bể tự hoại đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tắm, giặt, vệ sinh nhà cửa, công trình phải được thu gom qua hệ thống hầm rút, không được thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải chăn nuôi: Xây dựng hệ thống hầm chứa, lắng, lọc hoặc hầm Bioga, đảm bảo toàn bộ nước thải trong chăn nuôi phải được xử lý không gây ô nhiễm môi trường.

- Thoát nước thải từ các cơ sở sản xuất kinh doanh có bể xử lý riêng đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

Nghĩa trang:

- Nghĩa trang nhỏ lẻ, rải rác trước mặt không cho chôn mới, cải táng, về lâu dài định hướng di dời để cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn.

- Quy hoạch nghĩa trang nhân dân tập trung toàn xã có 4 điểm, quy mô 15ha, trong đó Bình An 1: 3,2ha, Bình An 2: 1ha, Cảnh An 1: 7,2ha, Cảnh An 2: 3,6ha. Các nghĩa trang này tiến hành cải tạo, nâng cấp tạo cảnh quan môi trường như: trồng cây xanh xung quanh, xây dựng đường đi.

CHƯƠNG III

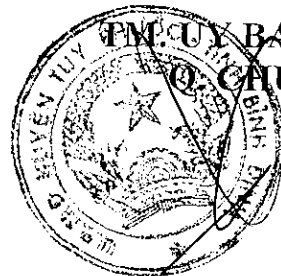
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Thành thực hiện theo đúng Quy định này.

Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi quy định này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định.

Điều 7. Mọi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo pháp luật./.



**PHỤ CỤY BAN NHÂN DÂN
QU. CHU TỊCH**

Trần Hữu Lộc